TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 09-3-2023.
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Hữu T, sinh năm: 1997 (có mặt).

Cư trú tại: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: chị Huỳnh Thị Thùy Q, sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Cư trú tại: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai lập ngày 26 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn là anh Trần Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Thùy Q tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 23/10/2017. Sau khi kết hôn anh T và chị Q chung sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị Q bỏ nhà

đi cho đến nay. Do chị Q đi biệt tích nên anh T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Q mất tích. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VDS, ngày 09/9/2022 tuyên bố chị Huỳnh Thị Thùy Q mất tích. Vì chị Q đã mất tích, nên anh T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Q.

Về con chung: trong thời gian chung sống anh T và chị Q có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Thiên T, sinh ngày 18/11/2015. Hiện nay anh T đang nuôi dưỡng cháu T. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định anh T và chị Q không có tài sản chung và nợ chung, nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã tuyên bố mất tích đối với bị đơn là chị Huỳnh Thị Thùy Q, nên chị Q không cung cấp bản tự khai và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị Q.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu T. Về hôn nhân: xử cho anh T được ly hôn với chị Q; về con chung: giao cháu Trần Huỳnh Thiên T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên, do anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, nên chị Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: anh T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022 của nguyên đơn anh Trần Hữu T kiện chị Huỳnh Thị Thùy Q là bị đơn cư trú tại ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Huỳnh Thị Thùy Q đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Huỳnh Thị Thùy Q là bị đơn trong vụ án đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Thùy Q tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh T và chị Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2019 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên phát sinh mâu thuẫn, anh chị chung sống không còn hạnh phúc. Anh chị không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị Q đã bỏ nhà đi biệt tích từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2022/QĐST-VDS, ngày 09/9/2022 tuyên bố chị Huỳnh Thị Thùy Q mất tích.

Xét thấy, chị Q đã mất tích, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Q là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho anh T được ly hôn với chị Q.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Thùy Q có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Thiên T, sinh ngày 18/11/2015. Từ khi anh T và chị Q ly thân cho đến nay anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, hiện nay anh T có nguồn thu nhập ổn định, việc anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu T cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Do anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, nên chị Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị Q, không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: anh Trần Hữu T xác định trong thời gian chung sống anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Thùy Q không có tài sản chung, anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh Trần Hữu T xác định trong thời gian chung sống anh Trần Hữu T và chị Huỳnh Thị Thùy Q không có nợ chung, anh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu T. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Trần Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004973 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Huỳnh Thị Thùy Q không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hữu T.

1. Về hôn nhân: xử cho anh Trần Hữu T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thùy Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Huỳnh Thiên T, sinh ngày 18/11/2015 cho anh Trần Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Chị Huỳnh Thị Thùy Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho chị Q, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: anh Trần Hữu T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Hữu T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004973 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị Huỳnh Thị Thùy Q không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn anh Trần Hữu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Thùy Q không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.